

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lô Thùy Linh.

Ông Bùi Đình Thi.

- Thư ký phiên tòa: bà Triệu Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Phùng Văn T, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1991, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Thanh B và bà Lăng Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/6/2024 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1987; địa chỉ: khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1987; trú tại: thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Triệu Văn D, sinh năm 1983; vắng mặt.

2. Anh Hứa Văn M1, sinh năm 1994; vắng mặt.

3. Anh Từ Văn P, sinh năm 1989; **vắng mặt.**
4. Anh Từ Văn H, sinh năm 1987; **vắng mặt.**
5. Anh Chu Văn D1, sinh năm 1985; **vắng mặt.**
6. Chị Bé Thị Thùy L1, sinh năm 1998; **vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 6 năm 2024, bị cáo Phùng Văn T cùng các anh Triệu Văn D, Triệu Văn Đ, Hứa Văn M1, Từ Văn P, Từ Văn H đi đến quán K tại thôn L, xã G, huyện C của chị Bé Thị Thùy L1 để hát Karaoke. Do hết phòng nên nhóm của bị cáo Phùng Văn T ngồi vào bàn uống nước bên ngoài phòng hát cùng các anh Nguyễn Thành L, Chu Văn D1 đang ngồi từ trước, rồi cùng giao lưu uống bia với nhau. Đến khoảng 02 giờ 00 phút cùng ngày có phòng hát, chị Bé Thị Thùy L1 sắp xếp cho nhóm của bị cáo Phùng Văn T vào phòng số 102 và rủ Nguyễn Thành L và Chu Văn D1 vào hát cùng. Trong lúc hát, Nguyễn Thành L, Phùng Văn T lấy điện thoại di động ra và để cạnh nhau trên bàn. Sau khi hát xong, bị cáo Phùng Văn T lấy điện thoại thì thấy điện thoại di động của anh Nguyễn Thành L vẫn để cạnh điện thoại của mình nên đã nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại để mang về sử dụng. Khi thấy anh Nguyễn Thành L không để ý đến điện thoại, bị cáo Phùng Văn T đã cầm lấy điện thoại của mình và điện thoại của anh Nguyễn Thành L đi ra khỏi phòng hát và cất điện thoại của mình vào túi quần đằng trước bên phải, cất điện thoại của anh Nguyễn Thành L vào túi quần đằng trước bên trái, sau đó đi ra gặp chị Bé Thị Thùy L1 để thanh toán tiền hát và tiền đồ ăn hết 380.000 đồng. Lúc này anh Nguyễn Thành L phát hiện điện thoại di động bị mất trộm nên đã có lời qua tiếng lại với nhóm của Phùng Văn T. Do sợ bị phát hiện nên bị cáo Phùng Văn T đã rủ anh Triệu Văn Đ đi về trước, anh Đ đi xe mô tô biển số 12X1- 03726 chở Phùng Văn T đi từ quán K ra đường Q đi theo hướng xã G - thị trấn Đ, đi được khoảng 50 mét thì anh Triệu Văn Đ quay xe lại để đi theo hướng xã G - huyện V. Khi đi qua quán K khoảng 40 mét thì anh Triệu Văn Đ dừng xe, đỗ ở cạnh đường bên phải để đi vào quán Karaoke 86. Lúc này, bị cáo Phùng Văn T đi sang bên trái đường, lấy điện thoại di động trộm cắp được cất giấu ở cạnh cột tiêu bên trái đường quốc lộ 279, sau đó cùng anh Triệu Văn Đ đi vào quán K. Anh Nguyễn Thành L do không tìm thấy điện thoại nên đã nhờ chị Bé Thị Thùy L1 trình báo Công an xã G đến giải quyết vụ việc. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Công an đã phát hiện chiếc điện thoại di động ở cạnh cột tiêu bên cạnh đường. Tại Công an xã G, bị cáo Phùng Văn Trang đã khai nhận hành vi trộm cắp điện thoại di động.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thường xuyên đề định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX, màu trắng, số máy: MG8Y3LL/A; IMEL:

357061225053595 có giá trị 10.333.000 đồng (mười triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Về vật chứng: ngày 29/8/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Thành L.

Về dân sự: các bên không có yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số: 50/CT-VKSCL ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn T khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã khai tại Cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố và khẳng định không oan, không sai, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời bị cáo khai do hám lợi nên bột phát thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động, không bàn bạc với ai, không có ai giúp sức. Anh Triệu Văn Đ chờ bị cáo về trước, sau đó quay lại quán karaoke nhưng hoàn toàn không biết bị cáo đã trộm cắp chiếc điện thoại, chỉ khi Công an tìm thấy chiếc điện thoại di động, bị cáo mới khai rõ hành vi phạm tội và mọi người có mặt ở đó mới biết sự việc.

Bị hại anh Nguyễn Thành L vắng mặt, nhưng lời khai tại Cơ quan điều tra trình bày: tại phòng hát số 102 của quán K thôn L, xã G, huyện C; trong lúc hát, anh lấy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu trắng ra sử dụng và để ở trên bàn. Bị cáo Phùng Văn T đã có hành vi lấy trộm chiếc điện thoại của anh. Nay anh đã nhận được lại điện thoại, anh không có yêu cầu bồi thường gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Triệu Văn Đ trình bày: anh biết sự việc anh Nguyễn Thành L thông tin không tìm thấy chiếc điện thoại di động tại quán Karaoke 86, sau khi anh tự chứng minh bản thân không lấy trộm thì chờ bị cáo Phùng Văn T về trước, trên đường đi, anh đã quay lại để đi đường khác cho gần, khi đi qua cửa quán K, thấy mọi người vẫn còn ở đó nên anh đỗ xe ở ngoài để vào xem tình hình. Sau đó, lực lượng Công an đến kiểm tra hiện trường, khám xét tìm thấy chiếc điện thoại của anh Nguyễn Thành L, khi đó anh cùng mọi người mới biết bị cáo Phùng Văn T đã thực hiện trộm cắp được chiếc điện thoại. Anh khẳng định, không biết việc bị cáo Phùng Văn T trộm cắp điện thoại của anh Nguyễn Thành L, không bàn bạc, không tham gia giúp sức thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Người làm chứng gồm: anh Triệu Văn D, anh Hứa Văn M1, anh Từ Văn P, anh Từ Văn H, anh Chu Văn D1, chị Bé Thị Thùy L1 tại Cơ quan điều tra đã khai: biết sự việc anh Nguyễn Thành L bị mất trộm chiếc điện thoại di động tại quán Karaoke của chị Bé Thị Thùy L1 nhưng không biết ai là người thực hiện hành vi, chỉ đến khi Cơ quan Công an tìm thấy chiếc điện thoại mới biết bị cáo Phùng Văn T là người trộm cắp tài sản.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá tính chất,

động cơ, mục đích, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: không ai có yêu cầu bồi thường gì nên không yêu cầu giải quyết.

Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị hại anh Nguyễn Thành L; người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại phòng hát số 102 quán K, địa chỉ: thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Phùng Văn T có hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PRO MAX của anh Nguyễn Thành L trị giá 10.333.000 đồng (mười triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), mục đích trộm cắp tài sản về sử dụng cá nhân.

[4] Bị cáo Phùng Văn T là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xét xử nghiêm khắc trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Từ những nhận định tại đoạn [3], [4] của Bản án đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phùng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

[6] Xét thấy, khi quyết định hình phạt ngoài xem xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử còn phải đánh giá về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo.

[6.1] Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[6.3] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy bị cáo Phùng Văn T có nhân thân tốt, có tình tiết giảm nhẹ quy định tại các khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng cố ý và ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù người bị hại cùng những người có mặt đã tìm và yêu cầu ai cầm chiếc điện thoại thì trả lại nhưng bị cáo đã che giấu hành vi đến cùng, chỉ đến khi lực lượng Công an tìm thấy chiếc điện thoại bị cáo mới khai rõ hành vi trộm cắp tài sản vì thế cần thiết phải cách ly bị cáo Phùng Văn T ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định.

[8] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Nguyễn Thành L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Cáo trạng số: 50/CT-VKSCL ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phùng Văn T theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị của Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, hình phạt là có căn cứ.

[11] Về án phí: bị cáo Phùng Văn T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Phùng Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: bị cáo Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trương Thị Hương Giang